TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2021/DS-PT
Ngày: 14/4/2021
V/v "T/chấp HĐ vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang.

Các Thẩm phán: Ông Trần Tuấn Vũ;

Ông Phạm Văn Tâm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Phố, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Bà Đặng Thị Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 356/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2020/ST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 11/2021/QĐ-PT ngày 08 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm: 1988.

Trú tại: Tổ 07, Khu phố 1, Thị trấn TC, huyện TC, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của chị Bùi Thị H: Chị Lê Thị Kiều D, sinh năm 1981, trú tại: Khu phố HB, phường HN, thành phố TN, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2019), có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông **Ngô Thái S**, sinh năm: 1969, có mặt.

2.2. Bà **Phan Thị M**, sinh năm 1970, có mặt.

Cùng trú tại: Tổ 19, ấp V, xã AC, huyện CT, tỉnh Tây Ninh.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn chị Bùi Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - chị Lê Thị Kiều D trình bày: Vào ngày 26/11/2018, chị H có cho vợ chồng ông S, bà M vay số tiền là 1.900.000.000 đồng, mục đích: đáo nợ Ngân hàng. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn 07 ngày. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.900.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, tổng cộng: 2.262.710.000 đồng.

- *Bị đơn ông Ngô Thái S, bà Phan Thị M thống nhất bày:* Vào năm 2017, vợ chồng ông bà có vay 03 lần của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh, Phòng giao dịch TC lần 1 900.000.000 đồng, lần 2: 1.000.000.000 đồng và lần 3: 900.000.000 đồng với tổng số tiền 2.800.000.000 đồng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thời hạn 01 năm, mục đích vay trồng mì. Do không có tiền trả nợ khi đến kỳ thanh toán, anh T (cán bộ Ngân hàng) có giới thiệu chị H để vay đáo hạn ngân hàng.

+ Lần 1: Ngày 18/10/2018, chị H và bà N cùng đến nhà (do chị H và bà N hùn hạp cho vay chung), ông bà viết giấy vay tiền của bà N số tiền 920.000.000 đồng, hai bên chỉ lập giấy vay tiền, không có giao tiền trực tiếp mà thỏa thuận để chị H, bà N đến Ngân hàng trả. Sau đó, do vợ chồng bà không trả nợ nên bà N đã khởi kiện ra tòa số tiền 920.000.000 đồng này và được Tòa án nhân dân huyện CT giải quyết bằng Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự ngày 04/5/2019.

+ Lần 2: Ngày 26/11/2018, chị H và bà N tiếp tục cùng đến nhà ông bà, ông bà có ký tên vào giấy vay tiền giống như lần 1 để vay số tiền 1.900.000.000 đồng. Sau khi ký xong, chị H giữ giấy vay tiền và hẹn đến Ngân hàng để trả tiền vào Ngân hàng nhưng chị H không thực hiện.

Cũng trong ngày 26/11/2018, khi đến Ngân hàng, do không có tiền trả lãi nên ông bà có viết giấy vay tiền của bà N số tiền 20.000.000 đồng nhưng sau đó, chị H không giao tiền để đáo hạn Ngân hàng cho vợ chồng ông bà nên bà N đã đưa lại giấy vay tiền 20.000.000 đồng.

Nay bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì hai bên chỉ ký hợp đồng vay tiền nhưng chưa thực hiện việc giao nhận tiền.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2020/ST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Ngô Thái S, bà Phan Thị M đối với số tiền 2.262.710.000 đồng.

Ngày 16/11/2020 chị H có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy :

[1] Xét kháng cáo của nguyên đơn thấy rằng:

Nguyên đơn chị Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng bị đơn ông Ngô Thái S, bà Phạm Thị M trả số tiền gốc 1.900.000.000 đồng và tiền lãi căn cứ vào giấy vay tiền lập ngày 26/11/2018 có chữ ký của vợ chồng ông S, bà M, còn bị đơn không chấp nhận vì cho rằng hai bên chỉ mới lập giấy nợ nhưng chưa thực hiện việc giao nhận tiền.

Nhận thấy, mặc dù nguyên đơn xuất trình được chứng cứ là giấy vay tiền, có chữ ký của bị đơn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc giao nhận tiền. Trong khi đó, phía bị đơn đưa ra được các tài liệu, chứng cứ phù hợp thể hiện không có việc giao nhận tiền, cụ thể như sau:

Thứ nhất, vợ chồng ông S cho rằng giữa vợ chồng ông và chị H, bà N đã thực hiện việc vay tiền đáo hạn ngân hàng hai lần: lần 1 vào ngày 18/10/2018 số tiền 920.000.000 đồng (người đứng tên cho vay trong giấy vay tiền là bà N) và lần 2 vào ngày 26/11/2018 gồm 02 khoản: 1.900.000.000 đồng (chị H đứng tên người cho vay), 20.000.000 đồng (bà N đứng tên cho vay). Xét thấy, lời khai này phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ, tại biên bản đối chất và tại phiên tòa phía nguyên đơn cũng thừa nhận giữa bà N và chị H có hùn hạp cho vay tiền chung, hiện nay không còn hợp tác nữa. Sau đó, vợ chồng ông S không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết, hai bên xảy ra tranh chấp: Tháng 02/2019, vợ chồng ông S có đơn thưa chị H tại Ủy ban nhân dân huyện TC, tỉnh Tây Ninh về nội dung yêu cầu chị H trả lại giấy nợ 1.900.000.000 đồng mà ông bà đã ký; đến tháng 3/2019, bà N khởi kiện vợ chồng ông S khoản vay 920.000.000 đồng và Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh đã ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự vào ngày 04/5/2019; cho đến ngày 05/9/2019 chị H mới khởi kiện vợ chồng ông S về số tiền 1.900.000.000 đồng này. Ngoài ra, phía bị đơn trình bày khoản vay 20.000.000 đồng ký cùng ngày 26/11/2018 là khoản vay đối với bà N để trả lãi Ngân hàng nhưng do chị H chưa thực hiện việc giao số tiền 1.900.000.000

đồng để trả tiền gốc ngân hàng nên bà N đã trả lại giấy nợ cho bị đơn (có cung cấp cho Tòa án).

Thứ hai, tại thời điểm xác lập giao dịch ngày 26/11/2018 đối với 02 khoản vay 1.900.000.000 đồng của chị H và 20.000.000 đồng của bà N, chị H và bà Ncòn đang hợp tác làm ăn chung, phía bị đơn và bà N xác định lúc hai bên ký giấy vay tiền có bà N chứng kiến với nội dung vợ chồng ông S chỉ viết, ký giấy vay tiền, không có giao nhận tiền, còn nguyên đơn cho rằng chỉ có chị H và vợ chồng ông S, bà M tham gia. Xét thấy, lời khai giữa hai bên có khác nhau, nhưng căn cứ vào quá trình, cách thức cho vay tiền đáo hạn ngân hàng giữa các bên, hai giấy nợ viết cùng ngày 26/11/2018 và các các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ có đủ cơ sở xác định tại thời điểm viết giấy vay tiền có bà N chứng kiến và lời trình bày của bà N là hoàn toàn phù hợp.

Thứ ba, nguyên đơn cho rằng, bà H là người chuyên cho vay đáo hạn Ngân hàng, khi vay hai bên chỉ cần ký giấy và giao nhận tiền, sau đó người vay sẽ tự thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng. Còn bị đơn lại cho rằng nguyên đơn yêu cầu bị đơn ký giấy vay tiền và việc giao trả tiền đáo hạn ngân hàng sẽ do nguyên đơn trực tiếp thực hiện. Nhận thấy, lời trình bày của bị đơn hoàn toàn có cơ sở và phù hợp với thực tế vì giữa bên cho vay và bên vay hoàn toàn không có quan hệ họ hàng, không quen biết nhau từ trước, việc vay tiền cũng không có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay bất kỳ loại giấy tờ gì, đồng thời trong giấy vay và hai bên đều thừa nhận mục đích vay tiền là để đáo hạn Ngân hàng nhưng qua xác minh thực tế hiện nay khoản vay 1.900.000.000 đồng của vợ chồng ông S tại Ngân hàng vẫn còn tồn tại và Ngân hàng đang khởi kiện.

[2] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy rằng lời trình bày của bị đơn xác nhận có ký vào giấy vay số tiền 1.900.000.000 đồng nhưng chưa thực hiện việc giao nhận tiền là có cơ sở. Cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn – chị Bùi Thị H.

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 54/2020/ST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tây Ninh

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H về tranh chấp hợp đồng vay tài sản với ông Ngô Thái S, bà Phan Thị M đối với số tiền 2.262.710.000 đồng (Hai tỷ hai trăm sáu mươi hai triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 77.254.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm năm mươi tư nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 34.500.000 đồng (Ba mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006302 ngày 19/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh, còn phải nộp 42.754.000 đồng (Bốn mươi hai triệu bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng).

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007768 ngày 16/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tây Ninh, đã nộp xong.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND huyện CT;
- CCTHADS huyện CT ;
- Phòng KTNV & THA tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ; tập án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thu Trang